



Công ty Cổ phần Bảo hiểm Phi nhân thọ Hoa Nam

(華南產物保險股份有限公司)

☐ Thương mại (商業)

☐ Nhà ở (住宅)

ĐƠN YÊU CẦU SỬA ĐỔI BỔ SUNG

ĐƠN BẢO HIỂM HỎA HOẠN

(火險單批改申請書)

Ngày yêu cầu (申請日期):

Ngày tháng năm

(年 月 日)

Số Đơn bảo hiểm (保險單號)	Số (第 號)	Số sửa đổi bổ sung (批單號碼)	Số (第 號)		
Người được bảo hiểm (被保險人)	Bên mua bảo hiểm (要保人)				
Ngày có hiệu lực (生效日)	Có hiệu lực kể từ 12 giờ trưa ngày tháng năm (自 年 月 日 中午十二時起 生效。)		Đồng bảo hiểm (共保) O I Đơn sửa đổi bổ sung (批單) Bản chính (正本) Bản sao (副本) Biên lai (收據) Bản chính (正本) Bản sao (副本)		
Nội dung sửa đổi bổ sung như sau (批改內容如下):	☐ Số hóa bảo hiểm hỏa hoạn nhà ở (住火數位化) ☐ Đơn bảo hiểm điện tử (電子保單)				
Người được bảo hiểm (被保險人)			Số CMT/Mã số thuế/Số hộ chiếu: (身分證字號/營利事業統一編號/護照號碼)		
Bên mua bảo hiểm (要保人)			Số CMT/Mã số thuế/Số hộ chiếu: (身分證字號/營利事業統一編號/護照號碼)		
Bên nhận thế chấp (抵押權者)			Người liên lạc (聯絡人): Điện thoại liên lạc (聯絡電話):		
Địa chỉ liên lạc (通訊地址)	☐ Giống địa chỉ đối tượng bảo hiểm (同標的物地址)		Số fax (傳真號碼):		
Địa chỉ đối tượng bảo hiểm (標的物地址)	☐ Điều chỉnh địa chỉ/số nhà (整編) ☐ Di dời (遷移) ☐ Xây thêm (新增) ☐ Hoàn phí theo Đơn sửa đổi bổ sung (批退) ☐ Sửa đổi (更正) ☐ Thay đổi hạng xây dựng (建築等級變更) ☐ Thay đổi mục đích sử dụng (使用性質變更) ☐ Thay đổi tỷ lệ phí (費率變更)				
Thời hạn bảo hiểm (保險期間)	☐ Gia hạn (延長) ☐ Rút ngắn đến hết 12 giờ trưa ngày tháng năm . (縮短至民國 年 月 日 中午十二時止。)		★Điều khoản bổ sung thỏa thuận tái tục bảo hiểm: Khi tham gia điều khoản bổ sung này, trước khi thời hạn bảo hiểm kết thúc, Công ty sẽ căn cứ theo thỏa thuận của điều khoản bổ sung, trên tinh thần có lợi hoặc không ảnh hưởng đến quyền lợi của Bên mua và Người được bảo hiểm, sau khi thông báo bằng văn bản sẽ tiến hành thủ tục tái tục hàng năm. (★加保續保約定附加條款: 加保本續保約定附加條款, 於保險期間屆滿前, 本公司依本附加條款之約定, 在有利於或不影響要保人及被保險人之權益, 以書面方式通知後逐年辦理續保。) ☐ Đồng ý (同意) ☐ Không đồng ý (不同意) (Nếu không tích chọn sẽ xem như không đồng ý) (若未勾選視為不同意)		
Diện tích sử dụng (使用面積)	Diện tích sử dụng (bao gồm tiện ích công cộng) ping (使用面積(含公共設施) 坪)				
Số tiền bảo hiểm trước khi sửa đổi (批改前保額)	Số tiền bảo hiểm sau khi sửa đổi (批改後保額)	Số tiền bảo hiểm tăng (giảm) (加(減)保金額)	Tổng phí bảo hiểm (Đài tệ) (總保險費 (NT\$))	Người tiếp nhận (收件經辦人)	Bên mua bảo hiểm ký tên, đóng dấu (要保人簽章)
☐ Rút bảo hiểm (保單退保) ☐ Hủy bỏ Đơn bảo hiểm (保單註銷) ☐ Hủy bỏ Đơn sửa đổi bổ sung (批單註銷) ☐ * Bảo hiểm trùng, số Số Đơn bảo hiểm / Số Đơn sửa đổi bổ sung (重複投保, 保/批單號碼)				※ Nếu là chấm dứt Hợp đồng, Người được bảo hiểm cũng phải ký tên, đóng dấu. (若為契約終止, 被保險人亦須簽章)	
				Bản tuyên bố mất chứng từ bảo hiểm (保險文件遺失聲明書)	

☐ * Bên mua bảo hiểm / Người được bảo hiểm chấm dứt Hợp đồng (要/被保險人終止契約) ☐ * Khác (其他)	Tôi xin tuyên bố: Bên mua/Người được bảo hiểm sở hữu ☐ Bản chính ☐ Bản sao Đơn bảo hiểm (Đơn sửa đổi bổ sung), và ☐ Bản chính ☐ Bản sao Biên lai phí bảo hiểm, do ☐ Bị mất ☐ Đã gửi đi nhưng không đến nơi ☐ Khác _____, nay kính báo tới Quý công ty các giấy tờ trên không còn giá trị. Sau này nếu có bất kỳ vấn đề nào liên quan đến quyền lợi bảo hiểm và tranh chấp pháp lý do việc thất lạc này gây ra, người làm đơn sẵn sàng chịu toàn bộ trách nhiệm, không liên quan đến Quý công ty. (茲聲明要/被保險人所持之 ☐ 正 ☐ 副本保險單(批單), 及 ☐ 正 ☐ 副本保費收據, 因 ☐ 遺失 ☐ 經寄送未送到 ☐ 其他 _____, 僅向 貴公司聲明作廢, 嗣後如有因遺失涉及保險效益及法律糾紛問題, 立書人願負擔全部責任, 概與 貴公司無關。) Kính gửi (此 致) Công ty Cổ phần Bảo hiểm Phi nhân thọ Hoa Nam (South China Insurance Co., Ltd.) (華南產物保險股份有限公司) Danh tính người làm đơn (立書人身份): ☐ Bên mua/Người được bảo hiểm (要/被保險人) ☐ Nhân viên kinh doanh (業務員) ☐ Nhân viên hành chính thẩm định bảo hiểm (核保/行政人員) Người làm đơn ký tên, đóng dấu (立書人簽章):
Ghi chú (備註):	

Tên gọi / Mã số dự án (專案名稱/代號)	Mã nguồn bảo hiểm (保源代號)	Cột kênh phân phối (通路欄位)			Cột bảo hiểm Bảo hiểm Hoa Nam (華南保險欄位)	
		Mã nhân viên thường trực (實駐代號)	Nhân viên tư vấn ký tên / Số chứng chỉ hành nghề (招攬人員簽名/登錄證字號)	Công ty môi giới/đại lý bảo hiểm ký tên, đóng dấu (保經、代公司簽章)	Nhân viên kinh doanh (業務員)	Người thực hiện (經手人)

Người quản lý (主管):	Tái bảo hiểm (再保):	Thẩm định bảo hiểm (核保):	Trợ lý (助理):	Đối chiếu (校對):	Nhập liệu (輸入):	Người liên hệ của kênh phân phối (通路聯絡人):
------------------------	--------------------	--------------------------	--------------	-----------------	-----------------	--

Phương thức hoàn phí (退費方式): (Khi Bên mua và Người được bảo hiểm không phải là một, đối tượng hoàn phí sẽ ưu tiên Bên mua bảo hiểm) (要保人與被保險人非同一人時, 退費對象以要保人為主)

☐ Chuyển khoản (匯款): Ngân hàng/Bưu điện (銀行/郵局): _____ Chi nhánh (分行/分局): _____, số tài khoản (帳號): _____

☐ Tiền mặt (現金): Hoàn phí thực tế sau khi khấu trừ 0,4% thuế tem (vui lòng mang theo CMT, con dấu của Bên mua bảo hiểm (Người đại diện làm thủ tục) đến quầy kinh doanh của Tổng Công ty/chi nhánh để nhận) (核退保費應扣除千分之四印花稅(請攜帶要保人(及代理人)身分證、印章至總/分公司臨櫃領取))

☐ Khấu trừ đối ứng, Số đơn bảo hiểm/Đơn sửa đổi bổ sung khấu trừ (抵繳, 抵繳保批單號碼): _____ (Phải trùng khớp với Bên mua bảo hiểm) (需與要保人相同)

*Người liên lạc (聯絡人): _____ Điện thoại liên lạc (聯絡電話): _____ (Cột này nhất định phải điền đầy đủ, nếu không thể hoàn tiền thuận lợi, sẽ liên hệ sớm nhất với Quý khách.)

Địa chỉ (地址): ☐☐☐ _____

☐ Khấu trừ đối ứng, Số đơn bảo hiểm/Đơn sửa đổi bổ sung khấu trừ (抵繳, 抵繳保批單號碼): _____ (Phải trùng khớp với Bên mua bảo hiểm) (需與要保人相同)

*Người liên lạc (聯絡人): _____ Điện thoại liên lạc (聯絡電話): _____ (Cột này nhất định phải điền đầy đủ, nếu không thể hoàn tiền thuận lợi, sẽ liên hệ sớm nhất với Quý khách.) (請務必填寫完整, 若無法順利退款, 將盡速聯絡您)